TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08 /2017/DS-ST
Ngày: 19/8/2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Dung

2. Ông Nguyễn Huy Cự

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Đình Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tham gia phiên toà:Ông Lưu Văn A -Kiểm sát viên.

Trong ngày19 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số: 27/ 2013/TLST-DS ngày 03tháng6 năm 2013về tranh chấp hợp đồng tín dụngtheo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/ 2017/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng; có trụ sở tại tầng 1-7 tòa nhà Thủ Đô, số 72 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội; do ông Nguyễn Đức L cán bộ xử lý nợ làm người đại diện theo Giấy ủy quyền số 831/2015/UQ-VPB ngày 05/8/2015.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1975 và anh Nguyễn Văn D sinh năm 1974; cùng địa chỉ cư trú: Xóm 4, thôn G, xã B, huyện G, thành phố Hà Nội (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/01/2013 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày: Ngân hàng TMCP Việt nam Thịnh Vượng và chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D có ký kết 05 hợp đồng tín dụng gồm hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ số LDLLD1026700049 ngày 25/9/2010; số LD1102900034 ngày 29/01/2011; hợp đồng tín dụng số LD1126200030 ngày 20/9/2011 và khế ước nhận nợ sô 01 ngày 21/9/2011; hợp đồng tín dụng số LD1127800151 ngày 06/10/2011 và khế ước nhận nợ sô 01 ngày 06/10/2011; hợp đồng tín dụng số LD1201900158 ngày 19/01/2012 và khế ước nhận nợ sô 01 ngày 19/01/2012 các hợp đồng trên được đảm bảo bằng tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản là chiếc ô tô cụ thể như sau:

-Quyền sử dụng đất tại Thửa đất Số: T62, tờ bản đố Số:B3, địa chỉ: Khu đất đấu giá 31ha, TT Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, diện tích 236m2 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 183401 do UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/08/2011, Hợp đồng thế chấp số 6578.2011 ngày 05/10/2011). VPBank đã cho Khách hàng giải chấp tài sản ngày 24/01/2014 với số tiền 3.068.000.000 đồng được thu vào nợ gốc của LD1127800151 ngày 06/10/2011;

- Quyền sử dụng/sở hữu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất Số: BB 889436 do UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 09/09/2010, Hợp đồng thế chấp số 9607 10 ngày 28/10/2015. VPBank đã cho Khách hàng giải chấp tài sản ngày 24/01/2014 với số tiền 2.040.000.000 đồng; trong đó thanh toán số tiền là: 1.399.700.000 đồng vào nợ gốc của LD1026700049 và 204.000.000 đồng vào nợ lãi của LD1026700049; thanh toán số tiền: 436.300.000 đồng vào nợ gốc của LD1201900158)

-Chiếc xe ô tô Toyota Corolla BKS: 29A-098.48; Số khung: 4407476, số máy: 01409 (Đăng ký xe ô tô số: 090735 do Phòng CSGT Công an thành phố Hà Nội cấp, đứng tên bà Nguyễn Thị Thu H) theo Hợp đồng thế chấp ô tô Số: 1102900034/TC ngày 29/01/2011 và Phụ lục hợp đồng thế chấp xe ô tô ngày 22/03/2011 vẫn đang bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của khách hàng tại VPBank (bao gồm Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ số LD1102900034 ngày 29/01/2011 và các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ khác)

-Quyền sử dụng đất tại Thửa đất Số: T1, tờ bản đố Số: Lô đất D1, địa chỉ: Khu đất đấu giá 31ha, TT. T, huyện G, thành phố Hà Nội diện tích 161m2(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất Số: BB 665135 do UBND huyện G, thành phố Hà Nội đứng tên bà Nguyễn Thị Thu H). Theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 390.2011, lập ngày 20/01/2011 tại Văn phòng công chứng Thăng Long – thành phố Hà Nội và Phụ lục hợp đồng Số 01 lập ngày 19/01/2012 vẫn đang bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Khách hàng tại VPBank (bao gồm Hợp đồng tín dụng số LD1201900158 ngày 19/01/2012 và Khế ước nhận nợ số 01 ngày 19/01/2012 và các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ khác).

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đã giải ngân cho chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D vay số tiền theo các hợp đồng tín dụng nói trên. Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D đã trả được phần nào gốc và lãi, cùng với Ngân hàng phát mại một số tài sản để tiếp tục trả gốc và lãi cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu tòa án buộc chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D phải thanh toán số tiền còn nợ gốc và lãi của 05 hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền tính đến ngày xét xử 19/8/2017 là 12.206.019.217đ (trong đó nợ gốc là 3.611.100.000đ, lãi trong hạn là 204.964.481đ, lãi quá hạn là 8.389.954.736đ) và xử lý tài sản thế chấp còn lại là:

Chiếc xe ô tô Toyota Corolla BKS: 29A-098.48; Số khung: 4407476, số máy: 01409 (Đăng ký xe ô tô số: 090735 do Phòng CSGT Công an thành phố Hà Nội cấp, đứng tên bà Nguyễn Thị Thu H) theo Hợp đồng thế chấp ô tô Số: 1102900034/TC ngày 29/01/2011 và Phụ lục hợp đồng thế chấp xe ô tô ngày 22/03/2011 vẫn đang bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Khách hàng tại VPBank (bao gồm Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ số LD1102900034 ngày 29/01/2011 và các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ khác).

Quyền sử dụng đất tại Thửa đất Số: T1, tờ bản đố Số: Lô đất D1, địa chỉ: Khu đất đấu giá 31ha, TT.T, huyện G, thành phố Hà Nội diện tích 161m2(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất Số: BB 665135 do UBND huyện G, thành phố Hà Nội đứng tên bà N). Theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: 390.2011, lập ngày 20/01/2011 tại Văn

phòng công chứng Thăng Long - thành phố Hà Nội và Phụ lục hợp đồng Số 01 lập ngày 19/01/2012 vẫn đang bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Khách hàng tại VPBank (bao gồm Hợp đồng tín dụng số LD1201900158 ngày 19/01/2012 và Khế ước nhận nợ số 01 ngày 19/01/2012 và các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ khác).

Ngoài yêu cầu trên Ngân hàng TMCP Việt nam Thịnh Vượng không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị H và anh D đều không tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến gì bằng văn bản gửi cho Tòa án trong suốt quá trình tiến hành tố tụng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về nội dung giải quyết vụ án:

Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như xác định đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, cũng như quá trình thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định.

Các thành viên Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa có mặt đúng như trong quyết định, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đầy đủ và đúng quy định trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn không chấp hành các quy định về quyền và nghĩa vụ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt nam Thịnh Vương buộc chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D phải trả số tiền gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 19/8/2017, Ngân hàng TMCP Việt nam Thịnh Vượng có quyền yêu cầu phát mại hai tài sản còn lại, nếu tài sản phát mại không đủ số tiền thanh toán buộc chị H, anh D phải tiếp tục thanh toán khoản nợ trên cho đến khi xong, kể từ ngày tiếp theo chị H anh D tiếp tục phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng trên số tiền nợ gốc, về án phí chị H anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[4]

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D đã được cấp tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đến phiên tòa, tại phiên tòa hôm nay chị H và anh D vắng mặt lần hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt các bị đơn được quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trong khoảng thời gian từ ngày 25/9/2010 đến ngày 19/01/2012 Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D có ký kết 05 Hợp đồng tín dụng và Khê ước nhận nợ gồm:Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ số LDLLD1026700049 ngày 25/9/2010; số LD1102900034 ngày 29/01/2011; hợp đồng tín dụng số LD1126200030 ngày 20/9/2011 và khế ước nhận nợ sô 01 ngày 21/9/2011; hợp đồng tín dụng số LD1127800151 ngày 06/10/2011 và khế ước nhận nợ sô 01 ngày 06/10/2011; hợp đồng tín dụng số LD1201900158 ngày 19/01/2012 và khế ước nhận nợ sô 01 ngày 19/01/2012. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã trả được một phần gốc và lãi, ngoài ra bị đơn cùng với Ngân hàng đã xử lý ba tài sản thế chấp để thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi trong số 05 hợp đồng tín dụng. Tại biên bản làm việc tính đến ngày 28/02/2017 giữa Ngân hàng và chị H hai bên đều xác nhận các khoản nợ gồm: nợ gốc 3.611.100.000đ, lãi suất trong hạn 293.164.414đ, lãi quá hạn 8.135.012.823đ, phạt chậm trả 4.947.496.487đ tổng là 16.986.773.723đ, tại văn bản này thì chị H nhất trí với số tiền gốc, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn còn đối với khoản tiền phạt chị H không nhất trí. Do vậy yêu cầu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu đó buộc chị H, anh D phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng tính đến ngày xét xử sơ thẩm gồm nợ gốc: 3.611.100.000đ; lãi trong hạn 204.964.481đ, lãi quá hạn 8.389.954.736đ tổng là 12.206.019.217 đ (mười hai tỷ, hai trăm linh sáu triệu, không trăm mười chín nghìn, hai trăm mười bẩy đồng).

[3]Về hợp đồng thế chấp: Tài sản bảo đảm hiện tại còn lại tính đến ngày xét xử cho các khoản vay gồm quyền sử dụng đất tại thửa số T1, tờ bản đồ D1 khu đất đấu giá 31ha thuộc thị trấn T, huyện Gia Lâm với diện tích 161m2 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2010 mang tên Nguyễn Thị Thu H theo hợp đồng thế chấp số 390.2011 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 19/01/2012; 01 ô tô Toyota corolla biển kiểm soát 29A-098.48 số khung 4407476, số máy 014109 đăng ký mang tên Nguyễn Thị Thu H theo hợp đồng thế chấp số 1102900034/TC ngày 29/01/2011 và phụ lục hợp đồng ngày 22/3/2011.Tài sản

trên đang được chị H và anh D quản lý và sử dụng, kể từ khi thế chấp đến nay hai khối tài sản trên vẫn còn hiện trạng. Xét hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với vợ chồng chị H anh D là hoàn toàn tự nguyện, các tài sản trên là tài sản chung thuộc quyền sử dụng và sở hữu hợp pháp của vợ chồng chị H anh D. Hợp đồng được lập tại Phòng công chứng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hai hợp đồng thế chấp đó là hoàn toàn hợp pháp. Như vậy yêu cầu xử lý đối với tài sản đảm bảo cho khoản vay theo các hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng trong trường hợp chị H anh D không thanh toán được nợ hoặc thanh toán không đầy đủ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chị H anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 471, 474, 476, 478 , 342, 343, 351, 355, 357, 715, 720 và Điều 721 của Bộ luật dân sự; Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Điều 91, 95 Luật tổ chức tín dụng Ngân hàng; khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Pháp lệnh số 10 về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về quan hệ tranh chấp: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng đối với chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Buộc chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D phải thanh toán số tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn của 05 hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/8/2017 cụ thể như sau: Nợ gốc 3.611.100.000đ; lãi trong hạn 204.964.481đ; lãi quá hạn 8.389.954.736đ. Tổng các khoản là 12.206.019.217đ (mười hai tỷ, hai trăm linh sáu triệu, không trăm mười chín nghìn, hai trăm mười bẩy đồng).

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả nợ xong khoản tiền gốc.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật mà chị H, anh D không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện G kê biên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cụ thể gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa số T1, tờ bản đồ D1 khu đất đấu giá 31ha thuộc thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm với diện tích 161m2 được Ủy ban nhân dân huyện

Gia Lâm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2010 mang tên Nguyễn Thị Thu H theo hợp đồng thế chấp số 390.2011 tại Văn phòng Công chứng Thăng Long và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 19/01/2012; 01 ô tô Toyota corolla biển kiểm soát 29A-098.48 số khung 4407476, số máy 014109 đăng ký mang tên Nguyễn Thị Thu Hằng theo hợp đồng thế chấp số 1102900034/TC ngày 29/01/2011 và phụ lục hợp đồng ngày 22/3/2011. Nếu tài sản kê biên phát mại không đủ để thanh toán số tiền trên thì chị H và anh D phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng đến khi xong.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 120.206.000đ, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng số tiền 59.102.500đ mà Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số AA/2010/0001031 ngày 28/5/2013 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt các bị đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với nguyên đơn, bị đơn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự.*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm*
- *Lưu HSVA*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Bùi Quang Trung